TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNGXƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày: 10/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy
Ông Lê Văn Lợi
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/HSST ngày 09/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/HSST - QĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn N - sinh năm: 1989.
Nơi ĐKNKTT: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn H và bà Phạm Thị V (đã chết); chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;
Nhân thân: Là đối tượng nghiện ma túy đang trong diện quản lý của địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 08/10/2019 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:
- Bà Phạm Thị T - sinh năm 1953 (có mặt)
Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Chị Phạm Thị H - sinh năm 1987(vắng mặt)
Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền mua ma túy sử dụng nên Bùi Văn N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy. Khoảng 22 giờ ngày 09/9/2019 Bùi Văn N đi bộ từ nhà ở xã N, huyện Quảng Xương đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà bà Phạm Thị T, sinh năm 1953 ở xã N, huyện Quảng Xương, thấy nhà bà T đã ngủ, điện trong nhà tắt, cửa cổng không khóa. N đẩy cổng đi vào nhà, dùng hai tay giật mạnh cửa phòng khách (dạng cửa nhôm kính) thì mở được cửa và vào trong nhà. Quan sát thấy trong phòng khách có 01 chiếc tivi LG màn hình phẳng 43inch màu đen, N lại lấy chiếc tivi bê ra ngoài, sau đó đem đến khu vực bãi sứa ở xã N để cất giấu tìm chỗ tiêu thụ. Đến khoảng 18 giờ ngày 10/9/2019, N đem chiếc ti vi đến nhà chị Phạm Thị H, sinh năm 1987 ở cùng thôn để bán. Khi đem ti vi đến cho chị H, N nói là ti vi của người bạn chuẩn bị đi Trung Quốc làm ăn đang cần tiền nên bán, chị H do đang cần ti vi để sử dụng và không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 1.500.000đ. Số tiền bán ti vi Bùi Văn N mua ma túy sử dụng, tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 02/10/2019 Bùi Văn N đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác của vụ án.

Theo báo cáo của bà Phạm Thị T, tài sản bị mất trộm là 01 chiếc ti vi LG màn hình phẳng 43 inch gia đình bà mua năm 2017, thời điểm bị mất trị giá khoảng 6.000.000đ. Chị H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc ti vi đã mua của N cho Cơ quan điều tra.

Ngày 04/10/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương định giá chiếc ti vi trên trị giá 5.000.000đ.

Ngày 31/10/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trả chiếc ti vi cho bà Phạm Thị T, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với chị Phạm Thị H, khi mua ti vi của N, chị H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý. Chị H cũng không có yêu cầu N phải trả lại số tiền chị đã mua ti vi của N nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 06/Ctr - VKS ngày 08/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố bị cáo Bùi Văn N về tội: " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều

173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án. Xử phạt bị cáo: Bùi Văn N từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Khoảng 22 giờ ngày 09/9/2019 bị cáo Bùi Văn N đã có hành vi lợi dụng sơ hở đột nhập vào nhà bà Phạm Thị T, sinh năm 1953 ở xã N, huyện Quảng Xương trộm cắp 01 chiếc tivi LG màn hình phẳng 43inch màu đen. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp trị giá là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo về tội: " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Với mục đích để có tiền chi tiêu cá nhân mà không phải bỏ sức lao động. Lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo N đã lén lút chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Phạm Thị T một cách trái pháp luật. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy đang trong diện quản lý của địa phương, có sức khỏe nhưng lại

không chịu tu dưỡng rèn luyện để trở thành người công dân có ích mà lao vào con đường phạm tội, là thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an trong xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương đầu thú. Vì vậy căn cứ vào điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Phạm Thị T và chị Phạm Thị H, không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên**,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội: " Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn N 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2019.

Án phí: Bị cáo Bùi Văn N phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Trại tam giam Công an tỉnh Thanh Hóa;*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- VKSND huyện Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án;

Đào Thị Thu Thủy